

Bản án số: 90/2022/HS-ST
Ngày: 12-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**
Bà **Trần Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

- Nguyễn Minh H - sinh ngày 23 tháng 10 năm 1999 tại Phú Yên. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G (sinh năm 1961) và bà: Trần Thị Y (sinh năm 1964); chưa có vợ con; Tiền án: Bản án số 16/2020/HSST ngày 28/5/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã N xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2021; tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 20/9/2017 bị Công an xã S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

- Ngày 14/10/2017 bị Công an xã S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 13/7/2018 bị Công an xã S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 18/3/2020 bị Công an xã S xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã chấp hành ngày 22/7/2020;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/Ông Trần Thế T– Sinh năm 1981

2/Bà Nguyễn Thị Ánh N– Sinh năm 1980

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Ông Đỗ Kiều Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh H có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục có ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/3/2022, H điều khiển xe mô tô đến khu vực Thôn T, xã X, thị xã N tìm nhà dân có sơ hở vào trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà ông Trần Thế T thấy không có người nên H trèo tường vào bên trong rồi đi ra sau chuồng gà bắt trộm hai con gà mái bỏ vào bao và ra xe chuẩn bị tẩu thoát thì bị ông Đỗ Kiều M phát hiện giữ lại và trình báo với cơ quan công an.

Theo Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N thì: 01 con gà mái tơ, giống gà kiến, lông màu vàng, nặng 1,3 kilogram có giá trị 117.000 đồng; 01 con gà mái tơ, giống gà kiến, lông màu nâu, nặng 1,7 kilogram có giá trị 153.000 đồng; tổng giá trị của hai con gà mái là 270.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: xe mô tô số máy VLFHMCT100004822 (không xác định được số khung), 02 con gà mái.

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung đã nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 09 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng: đối với xe mô tô số máy VLFHMCT100004822 (không xác định được số khung) là pH tiện bị cáo sử dụng phạm tội do chưa xác định được chủ sở hữu, đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N nên đề nghị chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh nguồn gốc và xử lý theo quy

định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vì đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Minh H nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: “*Bị cáo hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không oan cho bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Minh H có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/3/2022 để có tiền tiêu xài H tiếp tục trộm cắp hai con gà mái của ông Trần Thế Tài, bà Nguyễn Thị Ánh Nại Thôn T, xã X, thị xã N có giá trị là 270.000 đồng.

Như vậy, khẳng định cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Minh H là người thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã bị kết án 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 16/2020/HSST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2021 chưa được xóa án tích nhưng lười lao động, tham lam, thích hưởng thụ bằng tài sản, công sức của người khác, không chịu rèn luyện bản thân nên tiếp tục có hành vi lén lút vào nhà để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại

địa pH. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân xấu và hiện nay đang bị khởi tố về hành vi cố ý gây tH tích. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[8.1] Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã N đã xử lý vật chứng trả lại 02 con gà mái cho bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 51 ngày 20/5/2022 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.2] Đối với xe mô tô số máy VLFHMCT100004822 (không xác định được số khung) là pH tiện bị cáo sử dụng phạm tội do chưa xác định được chủ sở hữu, đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N nên chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh nguồn gốc và xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp án phí theo quy định tại Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ Điều 106, 136, 292, 293, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N tiếp tục xác minh nguồn gốc xe mô tô không gắn biển kiểm soát có số máy: VLFHMCT100004822 (không xác định được số khung) là pH tiện bị cáo sử dụng phạm tội để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N và Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Thi hành án Hình sự thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên